TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 929/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 11-11-2025
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Kim Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Tống Mỹ Hạnh

2. Bà Trần Thị Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Trúc - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 203/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2025 về "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1212/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 9 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 753/2025/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Mỹ L, sinh năm 1983

Căn cước công dân số: 079183002867, ngày cấp: 03/8/2022, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ thường trú: 114/16/26 đường số H, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ tạm trú: Số E đường số A, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Hồ Thanh B, sinh năm: 1980

Căn cước công dân số: 079080026569, ngày cấp: 10/5/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ thường trú: 114/16/26 đường số H, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ nơi cư trú: Bãi xe T, số H đường số I, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28 tháng 7 năm 2025, bản tự khai và các biên bản không tiến hành hòa giải được tại Tòa cùng các tài liệu chứng cứ khác do các bên đương sự cung cấp, nội dung vụ án được xác định như sau:

Nguyên đơn bà Lê Thị Mỹ L trình bày: Bà và ông Hồ Thanh B kết hôn vào năm 2001, đôi bên có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 182 do UBND phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27/9/2001. Vợ chồng chung sống đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do đôi bên bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Ông B không tin tưởng bà, thường xuyên ghen tuông vô cớ chửi mắng hành hung bà. Bà đã nhiều lần góp ý khuyên can nhưng ông B vẫn không thay đổi. Mâu thuẫn trong gia đình ngày càng trầm trọng hơn nên bà và ông B đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay. Hiện nay, bà xác định bản thân không còn tình cảm vợ chồng với ông B vì thời gian đôi bên sống ly thân đã lâu, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án cho bà được ly hôn với ông B để đôi bên rõ ràng về mặt pháp lý, tránh xảy ra những điều đáng tiếc về sau này.

Về con chung: Vợ chồng có 02 (hai) con chung tên: Hồ Minh K, sinh ngày 27/10/2001, hiện nay đã trưởng thành và Hồ Ngọc Bảo T, sinh ngày 17/02/2009. Hiện nay, ông B và hai con chung đang sống chung tại bãi xe T.

Về người trực tiếp nuôi dưỡng con chung: Khi ly hôn, bà L tự nguyện giao ông B được tiếp tục nuôi con chung chưa thành niên là trẻ Hồ Ngọc Bảo T, sinh ngày 17/02/2009.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà L không cấp dưỡng nuôi trẻ Hồ Ngọc Bảo T.

Về tài sản chung: Bà L xác định đôi bên tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác: Bà L xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc, bà xin được vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Bị đơn ông Hồ Thanh B trong quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do, không cung cấp lời khai trong hồ sơ vụ án.

Vụ án không tiến hành hòa giải được do vắng mặt bị đơn. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn bà Lê Thị Mỹ L vẫn giữ nguyên yêu cầu và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn ông Hồ Thanh B đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến và kết luận:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền, thủ tục. Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân Khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Thời hạn xét xử đảm bảo theo quy định tại điều 203 Bộ Luật tố tụng dân sự.

2. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Lê Thị Mỹ L có đơn yêu cầu ly hôn với ông Hồ Thanh B. Bị đơn ông B có nơi cư trú tại phường B, Thành phố Hồ Chí Minh, do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Lê Thị Mỹ L có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn là phù hợp. Bị đơn ông Hồ Thanh B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên căn cứ khoản 2

Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông B.

[2] Về nội dung: Xét, yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà L đối với ông B, nhận thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Theo nội dung trình bày của bà L thì trong thời gian chung sống, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do đôi bên bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Ngoài ra, ông B còn không tin tưởng và thường xuyên ghen tuông vô cớ chửi mắng hành hung bà L. Bà L đã nhiều lần góp ý khuyên can nhưng ông B vẫn không thay đổi. Mâu thuẫn trong gia đình ngày càng trầm trọng hơn nên bà L và ông B đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay. Tòa án đã mở phiên hòa giải cũng như cho thời gian để tạo cơ hội để bà L và ông B hàn gắn tình cảm nhưng quá trình giải quyết vụ án ông B không đến Tòa án, không thể hiện thiện chí hòa giải với bà L. Việc ông B không đến tòa đã thể hiện ý chí bỏ mặc, không quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân với bà L. Nay, bà L yêu cầu ly hôn với ông B vì tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở để chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L.

[2.2] Về con chung: Bà L và ông B có 02 (hai) con chung tên: Hồ Minh K, sinh ngày 27/10/2001, hiện nay đã trưởng thành và Hồ Ngọc Bảo T, sinh ngày 17/02/2009.

Việc nuôi dưỡng, chăm sóc con là quyền, đồng thời là nghĩa vụ của cha mẹ, nhưng phải dựa trên cơ sở đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con cái. Xét lời trình bày của bà L cùng với kết quả xác minh của Công an phường B, Thành phố Hồ Chí Minh trả lời về việc con chung chưa thành niên của bà L và ông B là trẻ Hồ Ngọc Bảo T, sinh ngày 17/02/2009 trên thực tế đang sống chung với ông B, được ông B trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc (BL45-46). Đồng thời, bà L cũng có yêu cầu giao con chung để ông B tiếp tục nuôi dưỡng. Ông B không đến tham gia phiên tòa để trình bày ý kiến của mình, do đó ông B đã từ bỏ quyền phản đối của mình. Căn cứ vào khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét yêu cầu của ông B, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà L về việc giao con chung chưa thành niên là trẻ Hồ Ngọc Bảo T, sinh ngày 17/02/2009 cho ông B tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà L không cấp dưỡng nuôi con chung chưa thành niên. Xét đây là sự tự nguyện của đương sự, Hội đồng xét xử nghĩ nên ghi nhận.

[2.3] Về tài sản chung: Bà L xác định đôi bên tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác: Bà L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Đối với ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy các ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về hình thức và nội dung là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Bà Lê Thị Mỹ L chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 19, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Mỹ L đối với ông Hồ Thanh B.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Mỹ L được ly hôn với ông Hồ Thanh B.

Giấy chứng nhận kết hôn số 182 do UBND phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 9 năm 2001 cho bà Lê Thị Mỹ L và ông Hồ Thanh B không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Đôi bên có 02 (hai) con chung tên: Hồ Minh K, sinh ngày 27/10/2001 (đã trưởng thành) và Hồ Ngọc Bảo T, sinh ngày 17/02/2009.

- Về người trực tiếp nuôi dưỡng con chung: Giao con chung chưa thành niên là trẻ Hồ Ngọc Bảo T, sinh ngày 17/02/2009 cho ông Hồ Thanh B được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận bà Lê Thị Mỹ L không cấp dưỡng nuôi con chung chưa thành niên.

Bà Lê Thị Mỹ L có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăm cấm. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung sau ly hôn, bà Lê Thị Mỹ L và ông Hồ Thanh B đều có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Bà Lê Thị Mỹ L xác định đôi bên tự thỏa thuận.

- Về nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác: Bà L xác định không có.

2. Về án phí:

Bà Lê Thị Mỹ L chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí bà Lê Thị Mỹ L đã nộp theo biên lai số 0010302 ngày 21 tháng 8 năm 2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, bà Lê Thị Mỹ L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao nhận, tống đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND KV9,TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Kim Ngân